TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2018/DS-ST
Ngày: 07/6/ 2018
V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lưu Huỳnh Quang Thắng;
2. Bà Huỳnh Xuân Thủy.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Phương, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân *thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa*: Ông Lưu Tiến Dũng, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 410/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2018/QĐXX-ST ngày 12 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2018/QĐST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lữ Thanh H, sinh năm 1971, địa chỉ: số 189, tổ 6, khóm VT3, phường NS, thành phố CĐ, tỉnh An Giang;

Bị đơn: Bà Nguyễn Ngọc H1, sinh năm 1984, địa chỉ: tổ 6, khóm VT3, phường NS, thành phố CĐ, tỉnh An Giang.

Ông H có mặt tại phiên tòa, bà H1 vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai ông Lữ Thanh H trình bày: Ông và và H1 tự quen biết và được gia đình hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới, chung sống vào năm 2010, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Núi Sam, giấy đăng ký kết hôn số 10/HT ngày 18/01/2010. Sau lễ cưới vợ chồng sống tại nhà riêng của ông, thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2016 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cải vã nhau, vào năm 2017 ông gởi đơn

ly hôn, vì muốn vợ chồng có thời gian hàn gắn, đoàn tụ với nhau nên ngày 29/9/2017 ông đã rút đơn kiện, Tòa án ban hành Quyết định đình chỉ nhưng đến nay bà H1 không quay về, tình cảm vợ chồng không còn ông yêu cầu được ly hôn.

Về con chung, vợ chồng có 01 con chung tên Lữ Thế A, sinh năm 2011, đang sống cùng bà H1, ông đồng ý để bà H1 tiếp tục nuôi dạy, ông cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông H không yêu cầu giải quyết.

Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng như Thông báo thụ lý, Thông báo về mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà H1 vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Kết quả xác minh tình trạng cư trú, Công an phường Núi Sam cho biết bà H1 và ông H có đăng hộ khẩu thường trú tại phường núi Sam, hiện bà H1 không có mặt tại địa phương, đi đâu làm gì không rõ, không trình báo và chưa làm thủ tục thay đổi hộ khẩu.

Tòa án đã thông báo tìm kiếm người vắng mặt đối với bà H1.

Quá trình tố tụng, Tòa án có ghi nhận lời khai của bà Nguyễn Ngọc Thủy (cô ruột bà H1) cho biết bà H1 sống chung với bà từ nhỏ, đến năm 2010 kết hôn với ông H và sống bên chồng tại phường núi Sam, không rõ mâu thuẫn giữa vợ chồng thế nào cũng như nơi ở hiện nay của bà H1, thời gian chung sống vợ chồng H có 01 con chung do bà H1 nuôi dạy. Ngoài ra ban khóm Vĩnh Tây 3, phường Núi Sam cũng cho biết nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa ông H và bà H1 là do kinh tế khó khăn.

Tại phiên tòa,

- Ông H giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn và đồng ý để bà H1 tiếp tục nuôi con, ông cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 đồng. Ngoài ra, ông H có yêu cầu Tòa án không công khai nội dung bản án trên cổng thông tin điện tử.

- Hội đồng xét xử công bố kết quả xác minh trong quá trình giải quyết vụ án.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về xét sử sơ thẩm vụ án. Thư ký Tòa án thực hiện tốt việc chuẩn bị phiên tòa, ghi biên bản phiên tòa.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt lần thứ 2 dù đã được triệu tập hợp lệ nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào kết quả xác minh tại ban khóm Vĩnh Tây 3 và lời khai của bà Nguyễn Ngọc Thủy cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nhận thấy giữa ông H và bà H1 có xác lập quan hệ hôn nhân nhưng vợ chồng có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và kinh tế gia đình khó khan và vợ chồng không còn sống chung. Do đó, việc nguyên đơn ông H khởi kiện xin ly hôn là có căn cứ.

Về con chung, ông H và bà H1 có 01 con chung tên Lữ Thế A , sinh năm 2011. Hiện tại bà H1 đang trực tiếp nuôi dạy nên việc ông H đồng ý để bà H1 được tiếp tục nuôi dạy con chung, ông cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 đồng là có căn cứ.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông H và bà H1 không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ông Lữ Thanh H khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Ngọc H1. Đồng thời, bà H1 có đăng ký hộ khẩu thường trú thường trú tại tổ 06, khóm VT3, phường NS, thành phố Châu Đốc. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bà Nguyễn Ngọc H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà H1 theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Ông H và bà H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 18/01/2010 tại Ủy ban nhân dân phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc nên hôn nhân giữa các đương sự là hợp pháp làm phát sinh quyền và nghĩa vụ vợ chồng.

Tại biên bản xác minh ban khóm Vĩnh Tây 3, phường Núi Sam cho biết: Trong thời gian chung sống, giữa ông H và bà H1 có mâu thuẫn về kinh tế và vợ chồng đã sống xa cách từ năm 2017 đến nay.

Ngoài ra, ông H cũng xác định thời gian chung sống gần đây vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, hiện không còn sống chung, ông đã gởi đơn xin ly hôn được tòa án động viên và đã rút lại đơn vào ngày 29/9/2017 nhưng đến nay bà H1 vẫn không quay về sống chung.

Xét, vợ chồng phải thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, nhưng hiện tại bà H1 bỏ nhà đi và vợ chồng không còn sống chung nên việc hàn gắn mâu thuẫn là không thể thực hiện được. Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H về việc ly hôn với bà H1.

Về con chung, thấy rằng cháu Lữ Thế A hiện tại được bà H1 nuôi dạy do bà H1 bỏ đi mang theo cháu Anh nên tòa án không thể ghi nhận ý kiến của cháu. Do đó, xét giao cháu Anh cho bà H1 tiếp tục nuôi dạy cho đến tuổi thành niên. Ông H đồng ý cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

Bà Nguyễn Ngọc H1 cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Lữ Thanh H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lữ Thế A.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về tài sản chung và nợ chung, ông H khai không có, không yêu cầu Tòa án quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Ông Lữ Thanh H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông H đã nộp theo biên lai thu số 0014886 ngày 03/11/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Châu Đốc.

Bà Nguyễn Ngọc H1 không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lữ Thanh H;

Ông Lữ Thanh H được ly hôn bà Nguyễn Ngọc H1.

Về con chung: Bà Nguyễn Ngọc H1 được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Lữ Thế A, sinh năm 2011. Ông Lữ Thanh H cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng cho đến tuổi thành niên và có khả năng lao động.

Bà Nguyễn Ngọc H1 cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Lữ Thanh H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí: Ông Lữ Thanh H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà ông H đã nộp theo biên lai thu số 0014886 ngày 03/11/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Châu Đốc; ông H còn phải nộp thêm 300.000 đồng.

Bà Nguyễn Ngọc H1 không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Lữ Thanh H có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của bà Nguyễn Ngọc H1 được tính là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Châu Đốc(2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Hội thẩm nhân dân (2);
- CC.THADS TP. Châu Đốc(1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Thị Bích Thủy